

Số: 2056 /BTC-TCT**Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2016**

V/v thực hiện giá tính thuế tài nguyên trong thời gian Bộ Tài chính ban hành Khung giá tính thuế tài nguyên.

Kính gửi: Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Khoản 5 Điều 4 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế; để thực hiện thu thuế tài nguyên trong thời gian Bộ Tài chính xây dựng Khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm loại tài nguyên có tính chất lý hóa giống nhau, Bộ Tài chính hướng dẫn một số vấn đề về giá tính thuế tài nguyên như sau:

1. Đối với giá tính thuế tài nguyên tạm tính năm 2016:

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố căn cứ vào quy định tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 và hướng dẫn tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính; căn cứ vào tình hình biến động về giá tài nguyên trên thị trường; tham khảo giá tài nguyên khoáng sản trên các sàn giao dịch quốc tế, chủ động rà soát, điều chỉnh và cập nhật Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh/ thành phố để áp dụng giá tính thuế tài nguyên tạm tính cho kỳ tính thuế tài nguyên từ tháng 1/2016 trở đi.

Bảng giá tính thuế tài nguyên sau khi cập nhật, điều chỉnh đề nghị gửi về Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo công văn này để Bộ Tài chính tổng hợp và xem xét ban hành Khung giá tính thuế tài nguyên.

Thời gian gửi các thông tin trên chậm nhất là ngày **25/02/2016**.

2. Đối với giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho kỳ quyết toán năm 2015:

- Giá tính thuế tài nguyên là giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên qui định tại thông tư số 152/2015/TT-BTC nhưng không thấp hơn Bảng giá tính thuế do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định có hiệu lực tương ứng tại từng thời kỳ trước thời điểm 01/01/2016.

- Đối với các sản phẩm công nghiệp:

+ Trường hợp xác định được danh mục sản phẩm công nghiệp, chi phí được trừ của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thì giá tính thuế tài nguyên đối với sản phẩm công nghiệp được xác định căn cứ vào giá bán trừ chi phí theo quy định điểm 5.1.c2, Khoản 5, Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC.

+ Trường hợp chưa xác định được danh mục sản phẩm công nghiệp, chi phí được trừ đối với các sản phẩm tài nguyên khai thác được sản xuất, chế biến thành sản phẩm công nghiệp, giá tính thuế tài nguyên thực hiện theo quy định tại Bảng giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành có hiệu lực tương ứng tại từng thời kỳ trước thời điểm 01/01/2016.

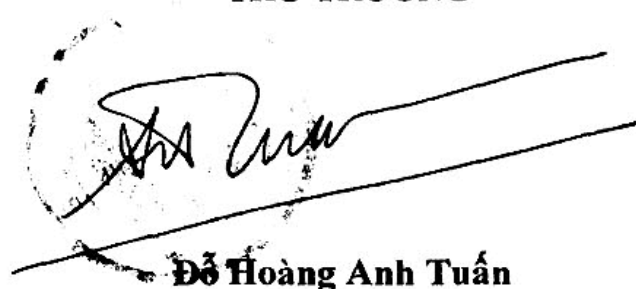
Trên cơ sở các thông tin về giá tính thuế của các địa phương xây dựng nêu tại mục 1 công văn này, Bộ Tài chính sẽ tổng hợp và ban hành Thông tư quy định về Khung giá tính thuế tài nguyên. Sau khi có Khung giá tính thuế tài nguyên thống nhất trên toàn quốc, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố căn cứ vào Khung giá tính thuế tài nguyên để ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên theo quy định để áp dụng tại địa phương.

Bộ Tài chính thông báo để Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương biết và chỉ đạo tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Thuế các tỉnh, thành phố;
- Cục QLG, Cục TCDN, Cục QLCS, Vụ PC, Vụ CST (Bộ Tài chính);
- TCT: Vụ CS, Vụ PC;
- Lưu: VT, TCT(VT, KK)

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

BẢNG GIÁ TÍNH THUẾ TÀI NGUYÊN**CẬP NHẬT, ĐIỀU CHỈNH NĂM 201...**(Ban hành kèm theo công văn số **2056**/BTC-TCT ngày **4/2/2016** của Bộ Tài chính)

| Số TT | Nhóm, loại tài nguyên (Sắp xếp theo danh mục tại Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13) | Đơn vị tính | Giá tính thuế tài nguyên theo các QĐ đang thực hiện | Giá tính thuế tài nguyên điều chỉnh năm 201... |
|------------|--|-------------|---|--|
| I | Khoáng sản kim loại | | | |
| | ... | | | |
| II | Khoáng sản không kim loại | | | |
| | ... | | | |
| III | Sản phẩm rừng tự nhiên | | | |
| | ... | | | |
| IV | Hải sản tự nhiên | | | |
| | ... | | | |
| V | Nước thiên nhiên | | | |
| | ... | | | |
| VI | Yến sào thiên nhiên | | | |
| | ... | | | |
| VII | Tài nguyên khác | | | |
| | ... | | | |

Lưu ý:

- Đối với quặng: Xây dựng tên chuẩn theo quy định của cơ quan Tài nguyên môi trường; Giá tính thuế từng loại quặng, hàm lượng khoáng sản trong quặng theo giấy phép khai thác
- Đối với sản phẩm tài nguyên: ghi rõ tên sản phẩm tài nguyên theo quy định của cơ quan Tài nguyên môi trường; không sử dụng tên địa phương, không phân chia giá tính thuế tài nguyên theo địa bàn

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

